

Lẫn lộn n và l? (phần 2)

Nguyễn Cung Thông

nguyencungthong@yahoo.com

Phần 1 của bài viết¹ "Lẫn lộn n và l?" giới thiệu các cách nhìn khác nhau về hiện tượng lẫn lộn phụ âm n và l. Phần 2 này tiếp theo cách nhìn mở rộng của phần 1 và chú trọng đến vốn từ Hán Việt và chữ Nôm, các dữ kiện ngôn ngữ cho thấy hiện tượng lẫn lộn n và l đã có từ xưa đến nay cũng như hiện diện trong các cách ghi âm tiếng Việt như chữ Nôm, chữ quốc ngữ (La Tinh). Ngoài ra, các giọng miền Nam Trung Quốc/TQ như Quảng Đông, Hẹ, Triều Châu cũng có khuynh hướng lẫn lộn n và l. Các tài liệu tham khảo chính viết tắt trong bài là TVGT (Thuyết Văn Giải Tự, Hứa Thận soạn khoảng 100 SCN), TVGT1 (Thuyết Văn Giải Tự 1, bản thời Tống năm 968), TVGT2 (Thuyết Văn Giải Tự chú giải viết bởi học giả nhà Thanh Đoàn Ngọc Tài), NT (Ngọc Thiên/543), ĐV (Đường Vận/751), NKVT (Ngũ Kinh Văn Tự/776), LKTG (Long Kham Thủ Giám/997), QV (Quảng Vận/1008), TV (Tập Vận/1037/1067), CV (Chính Vận/1375), TVi (Tự Vị/1615), VB (Vận Bỏ/1100/1154), VH (Vận Hội/1297), LT (Loại Thiên/1039/1066), CTT (Chính Tự Thông/1670), HNĐTĐ (Hán Ngữ Đại Tự Điển/1986) ... VBL (từ điển Việt Bồ La/Annam-Lusitan-Latinh/Alexandre de Rhodes/1651) ... Các chỉ số đứng sau nguyên âm chỉ thanh điệu như lon3 hay số phụ chú (superscript).

1. Âm cổ là l nhưng âm tiếng (Hán) Việt là n, cũng như các phương ngữ Nam TQ vẫn có khuynh hướng đọc l thành n như các thí dụ sau

1.1 Chữ lạm 濫 là chữ hiếm với tần số dùng là 12 trên 171894734, thanh mẫu lai 來 vận mẫu đàm 談 hay diêm 鹽) có các cách đọc

盧瞰切, 音濫 lô khám thiết, âm lạm (QV, TV, LT)

力驗切, 音潑 lực nghiệm thiết, âm liễm (TV, LT, TTTH)

盧敢切 lô cảm thiết (QV, TV, LT, TVi)

力暫切 lực tạm thiết (NT) chữ 暫 đồng 暫 (tạm)

盧甘切, 音藍 lô cam thiết, âm lam (TV, LT)

...

Gọng BK bây giờ là làn (theo pinyin) so với giọng QĐ laam4/laam6, giọng Hẹ lam3/lat7 và Triều Châu/TC nan6 cho thấy khả năng lẫn lộn n và l trong giọng TC; tiếng Việt còn dùng dạng nám (bây giờ) so với thời VBL viết là lám hay nám.

1.2 Chữ noãn 卵 có các cách đọc (thanh mẫu lai 來 vận mẫu hoàn 桓 thượng thanh 上聲, hay vận mẫu qua 戈)

盧管切 lô quản thiết (TVGT, ĐV, LT)

魯管切 lô quản thiết (TV, VH, CV, TG, TVi, CTT) - 鸞上聲 loan thượng thanh

力管切 lực quản thiết (NT, QV)

落管反 lạc quản phản (LKTG)

公渾切 công hồn thiết (TV, LT)

公魂切 công hồn thiết (TVi) 音鯤 âm côn

力卷切 lực quyền thiết (TVi) 音變 âm luyện

...V.V...

Giọng BK bây giờ là lưỡn (pinyin) so với các giọng QĐ leon2 leon5 lo5, giọng Hẹ lon3 và TC luang2 hay neng6: giọng TC có khuynh hướng đọc lẫn lộn n và l như tiếng (Hán) Việt.

1.3 Chữ long 攏 có các cách đọc (thanh mẫu lai 來 vận mẫu đông 東 thượng thanh 上聲)

力董切 lực đồng thiết (ĐV, QV, CV, TVi)

力董反 lực đồng phản (LKTG, CTT)- CTT ghi thêm 音壟 âm lũng, TĐTAT ghi thêm 音隴 âm lũng

力同切 lực đồng thiết (NT, TTTH)

魯孔切 lỗ khổng thiết (TV, VH, LT)

盧東切, 音聾 lỗ đông thiết, âm lung (TV, VH, LT)

力東、 lực đông chủ (TNTTĐTA 精嚴新集大藏音)

力公切 lực công thiết (TVi)

力容切 lực dong/dung thiết (CTT) - CTT ghi thêm 音龍 âm long (TĐTAT)

...v.v...

Giọng BK bây giờ là lồng (theo pinyin) so với các giọng QĐ lung5, giọng Hẹ lung1 lung3 nung1 nung3 cho thấy khả năng lẫn lộn n và l trong giọng Hẹ ... Tiếng Việt còn dùng dạng nông chỉ chỗ đất vung lên (nồng đất) so với lũng 隴 và nồng là nâng (đờ) lên (VBL/Béhaïne).

1.4 Chữ luy 贏 đọc theo phiên thiết 力爲切 lự vi thiết (QV), 倫爲切 luân vi thiết (TV, CV) nhưng thường đọc là nuy (Thiền Chử). Một cách đọc theo phiên thiết là 靈年切, 音蓮 linh niên thiết, âm liên (TV), KH ghi là *huyện danh* ở Giao Chỉ.

2. Âm cổ là l, vẫn duy trì trong tiếng (Hán) Việt, nhưng âm Bắc Kinh lại thành n như các thí dụ sau

2.1 Chữ lộng 弄 có các cách đọc (thanh mẫu lai 來 vận mẫu đông 東 khứ thanh 去聲)

盧貢切 lô cống thiết (ĐV, QV, TV, VH, LT, TVi, CTT, TĐTAT) 籠去聲 lung/lộng khứ thanh

盧貢反 lô cống phản (LKTG)

力貢切 lực công thiết (TVi)

...

Giọng BK bây giờ là nòng (thường hơn là cách đọc lòng theo pinyin) so với giọng QĐ lung6 nung6, giọng Hẹ lung3 lung 6 nung3 nung6 ... Âm HV (lộng) đọc phù hợp với phiên thiết tuy các giọng phía Nam TQ có khuynh hướng đọc l thành n.

2.2 Chữ liên 蓮 có các cách đọc (thanh mẫu lai 來 vận mẫu tiên 仙 thượng thanh 上聲)

力展切 lực triển thiết (TVGT, QV, TV, VH, LT, CV, TVi)

力展反 lực triển phản (LKTG)

力展丶 lực triển chủ (TNTTĐTA 精嚴新集大藏音)

...V.V...

Giọng BK bây giờ là niễn (theo pinyin) so với các giọng QĐ lin5, giọng Hẹ lien3 lien6 len3 lian1 và âm HV là liễn.

2.3a Hay có trường hợp ngược lại, âm cổ hơn là n nhưng trở thành l (chuẩn) trong Hán ngữ - xem trường hợp chữ ***nôm** 𨮒 (nôm/nôm - dụng cụ bắt cá, thành phần hài thanh là nam 南) với các cách đọc (thanh mẫu lai 來 vận mẫu đàm 談 thượng thanh 上聲)

魯敢切, 音覽 lô cảm thiết, âm lăm (QV, CTT)

女感切 nữ cảm thiết (NT)

乃感切 nãi cảm thiết (LT, TVi) 音滿 âm nam

...

Vấn đề trở nên thú vị khi âm lăm (xem) 覽, dựa vào khả năng hoán chuyển giữa l và n, trở thành dạng **nom** (ngạc cứng hóa thành **dòm, nhòm** - chữ Nôm 𨮒); để ý tương quan lăm 攬 và **nắm**.

Tương tự như trên, **nản** và **lòn** là các biến âm của lãn 懶 (lười, chán, biếng - lãn BK) cũng như giọng Hẹ lan1 lan3 nan1 nan3, giọng Triều Châu lang2 nang2

Lãn có các cách đọc

落旱切 lạc hạn thiết (QV)

魯旱切 lô hạn thiết (TV) - đồng lãn 𨮒 (để ý cách dùng bộ nữ)

...

落蓋切, 音賴 lạc cái thiết, âm lại (TV)

...

Âm lại của lẫn còn ra dạng **lười** tiếng Việt.

2.3b Trường hợp **tân lang** 檳榔 (cây cau): tân có cách viết là

檳 檳 檳 檳 檳

Tân đọc là bīn, bīng (giọng BK bây giờ) so với các giọng QĐ ban1, bin1 và giọng Hẹ bin1 ben1, tiếng Nhật và Hàn vẫn duy trì dạng bin - chỉ có tiếng (Hán) Việt cho ra dạng tân (biến âm b/p thành t là hiện tượng Trùng Ngữ). Tân lang (bīn lǎng BK) có gốc là tiếng Mã Lai/Indônêsia **pinang** (nghĩa là cây cau) và phụ âm đầu n- đã trở thành l-, có thể là cây cau nhập qua các vùng biển trước như Triều Châu/TC nên có sự lẫn lộn giữa n và l; lang giọng Hẹ hay TC có thể đọc là long2 hay nong2. Pinang còn là tên hai hải đảo (tây bắc Mã Lai và phía đông tỉnh Johor của Mã Lai) vì là nơi trồng nhiều cau. Đảo Pinang/Penang từng được ghi là Binh Long đảo theo Génibrel² (1898)

檳 BINH. —lang, Areca catechu, <i>Aréquier</i>, m. (V. Cau, Aréquier). — long đảo, Pulo-Pinang. <i>Ile à l'entrée du détroit de Sumatra.</i>	(Génibrel/1898)
--	-----------------

2.4a Chữ lạc 樂 có các cách đọc (thanh mẫu nghi 疑 vận mẫu hào 肴 kh+' thanh 去聲, hay vận mẫu giác 覺 nhập thanh 入聲, hay thanh mẫu lai 來 vận mẫu đặc/khai 鐸開) theo phiên thiết

五角切 ngũ giác thiết (TVGT2, ĐV, QV)

玉角切 ngọc giác thiết (TVGT1, QV, TTTH)

盧各切 lô các thiết (ĐV, QV, LT)

歷各切, 音洛 lịch các thiết, âm lạc (TV, VH, CV)

逆角切, 音岳 nghịch giác thiết, âm nhạc (TV, VH, CV, TVi)

力照切 lực chiếu thiết (TV)

力召切, 音療 lực triệu thiết, âm liệu (CV, CTT)

魚敎切 ngư giáo thiết (TV, VH, CV)

盧谷切, 音祿 lô cốc thiết, âm lộc (VB)

魯刀切, 音勞 lỗ đao thiết, âm lao (ĐV)

力弔切 lực điều thiết (TVi) 音料 âm liệu

如角切 như giác thiết (TV)

乙角切 ất giác thiết (TV)

丑照切 sữu chiếu thiết (TV) - có lẽ đây là một vết tích của biến âm l-s (lực-sức, lãng-sóng, lạp-sáp ...).

...V.V...

Lăn lộn n (nh) và l đã hiện diện thời Tập Vận (năm 1037/1067). Cũng như năm/lăm, nòng/lòng, nên/lên, nhạc/lạc tuy cùng một gốc nhưng tiếng Việt dùng phụ âm n và l cho các phạm trù nghĩa khác hơn: lạc để chỉ vui (an lạc) so với nhạc (âm nhạc).

2.4b Lăn lộn n và l còn hiện diện trong các cách phiên thiết - chữ liêm/niêm 謙

Chữ 謙 có các cách đọc (thanh mẫu lai 來 vận mẫu thêm 添 hay diêm 鹽)

勒兼切, 音廉 lạc kiêm thiết, âm liêm (QV, TV)

離覽切, 音廉 li lãm thiết, âm liêm (TV, TVi)

力鹽切 lực diêm thiết (TVGT)

良冉切 lương nhiễm thiết (QV)

力冉切, 音斂 lực nhiễm thiết, âm liễm (TV, LT, TVi)

力忝切 lực thiễm thiết (QV)

盧忝切 lô thiễm thiết (TV)

泥占切, 音粘 nê chiêm thiết, âm niêm (TV, CV, LT)

乎監切, 音銜 hô giam thiết, âm hàm (TV, LT)

乎鑑切, 音陷 hô am thiết, âm hãm (TV, LT)

兩減切, 音臉 lưỡng giảm thiết, âm kiễm (TV, LT)

犁針切, 音林 lê châm thiết, âm lâm (TV, LT)

勒兼反 lặc kiêm phản (LKTG)

力忝反 lực thiễm phản (LKTG)

里兼切 lí kiêm thiết (NT)

里忝切 lí thiễm thiết (NT)

...v.v...

Giọng BK bây giờ là lián, liǎn, nián, xián, xiàn (HNĐTĐ ghi các âm lián, liǎn, xián, xiàn, nián, lín) so với giọng QĐ lim4/lim5 và giọng Hẹ liam2/liam3. **Ít nhất là từ thời Tập Vận (1037/1067) ta thấy đã có ghi sự lẫn lộn n và l qua phiên thiết, và Tập Vận cũng trích Thuyết Văn (khoảng 100 SCN) và Khang Hi trích âm niêm đã có từ thời Lễ Ký!**

2.4c Chữ hiễm 𪛗 (Unicode 644E) với tần số dùng là 11 trên 171894734, xưa dùng như 𪛗 có các cách đọc (thanh mẫu kiến 見 vận mẫu hào 肴 bình thanh 平聲, hay thanh mẫu lai 來 vận mẫu vu 尤 bình thanh 平聲); giọng BK bây giờ là jiū liáo jiāo nǎo so với giọng QĐ gau1 lau4, giọng Hẹ liu7 lau1, kieu1 kiu1 ...v.v...

居求切 cư cầu thiết (TVGT, ĐV)

居尤切, 音鳩 cư vu thiết, âm cư (TV, VH, LT, TVi)

力求切, 音留 lực cầu thiết, âm lưu (ĐV, QV, TV, LT)

力周切 lực chu thiết (TVGT2, NT, TTTH)

力交切, 音寥 lực giao thiết, âm liêu (TV, LT)

離昭切, 音僚 li chiêu thiết, âm liêu (TV)

居虬切, 音樛 cư cầu thiết, âm cù (TV, LT)

古肴切 cổ hào thiết (ĐV, QV)

居由切 cư do thiết (NT, TTTH)

居肴切, 音交 cư hào thiết, âm giao (TV, LT)

古巧切, 音絞 cổ xảo thiết, âm giảo (TV)

女巧切, 饒上聲 nữ xảo thiết, nao thượng thanh (TV, LT)

經由翻 kinh do phiên (BH 佩觿) là cây cù 樛, nhưng 摎 đọc là lưu 留

居休切, 音鳩 cư hưu thiết, âm cưu (CTT)

...v.v...

Thành phần hài thanh 寥 đọc là *liêu, nhưng thời Tập Vận đã có ghi âm *niêu (nao > nhiễu); đây là lí do chữ 摎 từng dùng như nạo 撓 - tiếng Việt còn duy trì các biến âm **náo, nao, nháo (nhón nháo) và nhao (nhao nhao, lao nhao), nã** so với dạng líu (không dùng một mình, vết tích là từ láy **lúu lo**). Các tài liệu (Hán cổ) về vận bộ không thấy ghi phụ âm đầu n- so với phụ âm k- và l-, do đó các dạng âm cổ phục nguyên thường là *kau hay *liəu, hay dạng tổng hợp *nriu. VBL (1651) còn ghi các cách dùng *lúu, làm lúu dứ* (gây huyền não) hay *láo đáo*; Béhaine/Taberd (1772/1838) ghi *nói lịu* (nói lẫn), *lịu miệng* ... So với các từ láy **lao nhao, lao xao** vẫn còn hiện diện trong tiếng Việt.

2.4d Ủ 𡗗 hay duy có các cách đọc (thanh mẫu nương 孃 vận mẫu chi B hợp 支B合 khứ thanh 去聲)

女悲切 nữ khuê thiết (TVGT, NT, QV, ĐV, TV, VH, CV, TVi)- TVi ghi đọc như 音內 âm nội (nèi BK bây giờ), CTT ghi đọc như 音謂 âm vị (wèi BK bây giờ)

女悲反 nữ khuê phản (LKTG)

邕危切, 音透 ung nguy thiết, âm uy (TV)

於爲切 ư vi thiết (TViB) 音威 âm uy

烏貴切 ô quý thiết (CTT) 音謂 âm vị

女慧切 nữ tuệ thiết (CTT)

弋睡切 đặc thuy thiết (TV)

而睡切, 音訥 nhi thuy thiết, âm nhuế (TV)

...

Hai chữ kiện đáng chú ý cho âm uỷ (uy) này là các dạng ngạc cứng hoá duy hay nhuế (theo TV) và khả năng từng dùng như chữ luỹ 壘 (theo Đoàn Ngọc Tài). Do đó, khuynh hướng lẫn lộn n và l đã từng hiện diện trong cổ thư TQ!

3. Vết tích lẫn lộn n và l còn thấy trong tự điển VBL (1651) như

Lám - dùng như nám (hoa tàn)

Nên mười tuổi - bây giờ thường dùng *lên mười tuổi*- so với cách dùng *nên một, nên hai* (Béhaïne/Taberd-1772/1838)

Năm - lăm (nhăm/dăm - ngạc cứng hóa) – VBL ghi rõ cách dùng *mười lăm, hai mươi lăm* ...

Cái ống súng bây giờ thường dùng là *nòng súng* (lòng súng/Trương Vĩnh Ký/1884 - canon d'un fusil) - xem từ điển Vallot³ bên dưới

...V.V...

**Canon, pièce d'artillerie. Súng trụ,
súng thần công; — de fusil, ống
súng; —, verre à boire, chén.** (P.G. Vallot/1898)

4. Lẫn lộn n-l trong chữ Nôm

Lẫn lộn n-l không chỉ hiện diện từ thời chữ La Tinh (quốc ngữ) ra đời, nhưng thường gặp hơn trong chữ Nôm⁴ như

Nếu chữ Nôm viết là 𠂔 (liều) còn đọc là lếu, lẻo, niều ...

Neo 𠂔 (liêu)

Năn bộ khẩu + chữ lân (lân) 𠂔 - năn nỉ

Lăm 𠂔 (nam)

Lóm bộ thảo + chữ nam (nóm) 𠂔 - Nguyễn Khuyến

Nặn bộ thủ + chữ lân 𠂔 (lận) Hồ Xuân Hương/HXH

Náp bộ thổ + chữ lập (lập) 𠂔 HXH

Lội bộ khẩu + chữ nội 𠂔 (nội) HXH

Nương bộ nhật/thủ + chữ lương 𠂔 (lương)

Nén bộ thủ + chữ liên 𠂔 (liễn)

Lom bộ thân + chữ nam 𠂔 (nam) - lom khom ...

Lằm chữ ngô + chữ nhâm 𠂔 (nhằm, lằm) - ngạc cứng hoá l > nh.

...v.v...

Nguyễn Khuyến, HXH ... đều từng ở các vùng Hà Bắc, Hà Nam.

Các phụ âm đầu lưỡi l, r và mặt lưỡi sh (s giọng Nam VN), ch thường xuất hiện sau nhất trong quá trình đắc thụ tiếng mẹ đẻ (language acquisition) - so với các âm môi m, p (mẹ mợ mụ mê má mẩu ... ba bố bu ...) xuất hiện rất sớm. Điều này dễ hiểu vì các phụ âm l, r hay th ... đòi hỏi các kết hợp phức tạp hơn của môi, lưỡi và họng. Phụ âm l có nhiều cách đọc (allophones) và do đó là một trong những âm phân biệt rất rõ nét giữa các ngôn ngữ hay phương ngữ: thí dụ như long (rồng) khi nhập vào tiếng Hàn trở thành yong (ngạc cứng hoá), cũng như lục (số sáu) trở thành yuk ... Phụ âm l tiếng Hán lại có thể trở thành phụ âm r tiếng Nhật như lục (số sáu) trở thành roku (riku). Hiện tượng lẫn lộn l-n hiện diện ở các vùng Nam TQ và Bắc VN cũng không làm cho ta ngạc nhiên: tiếng (giọng) Mường⁵ (Bi) còn dùng *nồng* là lòng, hay *lõn* là non

Thằng đói pò pao nông mãng nã (thằng bé bò vào lòng mẹ)

Lôn ỏi (quả ổi non) - so với tiếng HV nộn 嫺 hay 嫩, giọng Hẹ vẫn còn các dạng nun3 và lun3...

...

Không phải ngẫu nhiên mà *ngôn ngữ* tiếng Anh là language, langue (Pháp) ... đều có gốc là tiếng La Tinh lingua (cái lưỡi, lời nói - tiếng Thái lín 𑜋𑜰𑜫) so với tiếng Việt lời (nhời - ngạc cứng hoá) nói, lưỡi ... Tiếng Quảng Đông còn dùng chữ 𪛗 (Unicode 8137, li BK lei6 QĐ) để chỉ cái lưỡi. Hi vọng các dữ kiện trên cho ta cơ hội suy nghĩ thêm về hiện tượng lẫn lộn n và l, và cứ nhất định cho rằng đọc l thành n hay ngược lại là SAI thì e rằng ta có thể mất đi một số thông tin quan trọng trong quá trình hình thành tiếng Việt.

5. Phụ chú và phê bình thêm

Người đọc có thể tra cứu thêm về vấn đề lẫn lộn n và l trên báo chí gần đây, như các trang <http://giadinh.net.vn/xa-hoi/cac-chuyen-gia-dau-nganh-hien-ke-sua-tat-noi-ngong-muon-hoi-nhap-phai-phat-am-chuan-20111117094830788.htm> hay <http://vietnamnet.vn/vn/giao-duc/49846/tranh-luan-sua-noi-ngong-l-va-n-o-viet-nam.html> ...v.v... Có nhiều ý kiến rất khác nhau về hiện tượng lẫn lộn n và l, từ đề nghị cần phải tích cực chữa sai nói ngọng n/l ngay trước khi trở thành một loại bệnh dịch, cho đến ý của các GS Mai Văn Hai hay Nguyễn Văn Hiệp trích từ các trang <http://chuanoingong.wordpress.com/2012/12/29/muon-hoi-nhap-phai-phat-am-chuan-khong-noi-ngong/> hay http://bachhuong2.blogtiengviet.net/2011/11/30/a_na_van_a_la_cas_quan_trar_ng_gan_khaan

“N” và “L” có quan trọng gì đâu (?!)

Theo tôi, “n” hay “l” có quan trọng gì đâu, cứ để cho người ta nói theo văn hóa ngôn ngữ vùng miền vốn có của họ. Chẳng hạn, bao đời nay dân Việt Bắc vẫn gọi mẹ là “mế”, vùng Trung du vẫn gọi là “bầm”, vùng Bình – Trị – Thiên gọi là “mạ”, người miền Nam gọi là “má”... thì mọi người vẫn hiểu đấy thôi. Dân xứ Nghệ phát âm dấu ngã thành dấu nặng hoặc dấu hỏi thì vẫn được mọi người chấp nhận như thường. Thậm chí, đối với tôi, đó còn là một cách phát âm rất riêng mang tính bản địa vùng miền rất rõ. Nó góp phần làm cho vốn ngữ âm thêm đa dạng và sinh động.

Trong quan điểm của tôi, quan trọng nhất là trong giảng dạy, giáo viên phải giáo dục cho các em học sinh nắm vững được khái niệm của từng từ ngữ để các em có được những hình dung nhất định về nghĩa của từ, không bị lẫn lộn về ngữ nghĩa. Ngoài ra, các thầy cô giáo cũng nên nhắc

nhờ học sinh phải viết đúng ngữ pháp, không được đưa cách nói thường ngày của mình vào văn bản viết. Bởi nói ngọng có thể chấp nhận nhưng viết ngọng là không thể chấp nhận.

Chúng ta cũng chẳng cần phải đặt ra một chương trình lớn rồi bắt giáo viên phải làm theo hay gò học sinh vào một chuẩn chung cứng nhắc. Còn nếu làm như vậy chỉ với chủ ý xây dựng nên một cách phát âm chuẩn của người Thủ đô thì quả là hơi khó. Bởi, Thủ đô Hà Nội vốn là nơi hội tụ của người dân ở nhiều vùng miền, Hà Nội có được sự đa dạng và đặc sắc văn hóa như hiện nay chính là nhờ sự “hội tụ” đó. Chúng ta nên đi tìm tinh thần riêng của Hà Nội để làm nét đặc trưng hơn là lấy cách phát âm làm chuẩn.

PGS.TS Mai Văn Hai – Viện Xã hội học

(hết trích)

"Về khái niệm chuẩn, như thế nào là chuẩn? Mà ngôn ngữ lại không ngừng phát triển. Như “n” và “l”, trong tương lai, hai âm này nhập làm một, không có sự phân biệt thì sao? Nói “ngọng” l/n thực chất là cách người ta vu vạ cho một đặc điểm phương ngữ của một số vùng nào đó mà thôi. Tôi nghĩ, viết là chính tả, thì phải đúng, còn nói thì kệ người ta. Bây giờ chả nhẽ bắt người Huế phát âm đúng dấu hỏi, dấu ngã? Bây giờ hết Hà Nội n,l rồi triển khai trong Huế bắt giáo viên phải phân biệt “nghĩ ngợ” với “nghỉ ngơi” thì làm sao người ta làm được? Bây giờ bắt người Hà Nội phát âm từ “uống rượu” với từ “hưu trí” và từ “hiếu biết” xem, họ sẽ phát âm “-uou”, “-uu” và “-iêu” giống nhau, làm sao mà coi là chuẩn được. Tóm lại, viết thì phải đúng, còn nói mà bắt sửa thì là chuyện tào lao ...” - GS Nguyễn Văn Hiệp, trích từ trang

<http://www.baomoi.com/Chua-ngong-ln-la-chuyen-tao-lao/59/7348419.epi>

1) Nguyễn Cung Thông/Trần Thị Lan, 2011 "Lẫn lộn n và l" - có thể xem toàn bài trang này <http://khoahocnet.com/2012/01/04/nguy%E1%BB%85n-cung-thong-tr%E1%BA%A7n-th%E1%BB%8B-lan-l%E1%BA%ABn-l%E1%BB%99n-n-va-l/> hay <http://www.trieuxuan.info/?pg=tpdetail&id=8020&catid=7> ...v.v...

2) Génibrel J. F. M. "Dictionnaire annamite francais" Saigon: Imprimerie de la Mission à Tân Dinh, 987 pp. (Saigon, 1898)

3) Vallot P. G. "Dictionnaire Franco-tonkinois Illustré" F. H. Schneider Impremeur-Editeur (Hà Nội, 1898)

4) Nguyễn Quang Hồng (Chủ biên) "Tự điển chữ Nôm" NXB Giáo Dục (Hà Nội, 2006). Các chữ Nôm khác trích từ "Đại Tự Điển chữ Nôm" - Nguyễn Văn Kính (NXB Văn Nghệ, Thành phố HCM, 2005).

5) Nguyễn Văn Khang (Chủ biên) "Tự điển Mường-Việt" NXB Văn Hoá Dân Tộc (Hà Nội, 2002). Người viết (NCT) xin thành thật cảm ơn bác Nguyễn Hữu Tường (Viện Hán Nôm) đã hướng dẫn lên Hoà Bình (Kim Bôi, tháng 12/2008) và gặp một số gia đình người Mường để bàn luận thêm chi tiết.